|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  **SỞ TƯ PHÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hải Phòng, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ([[1]](#footnote-1))   
VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH([[2]](#footnote-2))**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VĂN BẢN QUY PHẠM  PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH  *(Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND  ngày 15/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ))*** | **DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ** | **THUYẾT MINH** |
| **Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | **Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | Kế thừa quy định tại Điều 1 Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND |
| **Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2023 và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố: Số [2979/2015/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/quyet-dinh-2979-2015-qd-ubnd-quy-che-phoi-hop-thi-hanh-xu-ly-vi-pham-hanh-chinh-hai-phong-377014.aspx" \o "Quyết định 2979/2015/QĐ-UBND" \t "_blank) ngày 31/12/2015 ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số [11/2019/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2019/Q%C4%90-UBND&match=True&area=2&lan=1&bday=17/4/2019&eday=17/4/2019) ngày 17/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp thực hiện quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số [2979/2015/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/quyet-dinh-2979-2015-qd-ubnd-quy-che-phoi-hop-thi-hanh-xu-ly-vi-pham-hanh-chinh-hai-phong-377014.aspx) ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố. | **Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025 và thay thế các Quyết định: số 02/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (cũ) quy định công tác kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương; số 07/2023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | - Theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 thì thời điểm có hiệu lực được quy định tại Quyết định nhưng không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.  - Dự thảo Quyết định thảy đổi phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; sửa đổi, bổ sung **6/6** điều của Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND; **2/3** điều của Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND, **15/15** điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND (quá ½ tổng số điều) nên thuộc trường hợp ban hành văn bản thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật số 64/2025/QH15. |
| **Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. | **Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 3 Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND.  - Sửa đổi cụm từ *“Ủy ban nhân dân các cấp”* thành *“các xã, phường, đặc khu”* cho phù hợp với tổ chức chính quyền hai cấp quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH** | | **DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THAY THẾ** | **THUYẾT MINH** |
| **Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (cũ)** | **Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Kèm theo Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND)** |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**  1. Quyết định này quy định công tác kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.  2. Quyết định áp dụng đối cơ quan, thủ trưởng cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính; cơ quan, thủ trưởng cơ quan của người lập hồ sơ vụ việc xử phạt vi phạm hành chính; Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.  3. Các nội dung khác không quy định trong Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức và nội dung phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức và nội dung phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 1 Quy chế.  - Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND do: (i) Nội dung về công tác kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng là một trong các nội dung phối hợp; (ii) Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh thì từ ngày 01/7/2025, thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương (cũ) thực hiện sắp xếp thành thành phố Hải Phòng mới. |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố *(sau đây gọi chung là các Sở, ban, ngành)*.  2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện *(sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện)*; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã)* trên địa bàn thành phố.  3. Người có thẩm quyền xử phạt, người có thẩm quyền lập biên bản.  4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố *(sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành)*.  2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu *(sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã)* trên địa bàn thành phố.  3. Người có thẩm quyền xử phạt, người có thẩm quyền lập biên bản.  4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 2 Quy chế.  - Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp quy định về tổ chức chính quyền 2 cấp theo quy định tại Luật số 72/2025/QH15. |
|  | **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**  1. Tuân thủ các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  2. Bảo đảm công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, thống nhất, chặt chẽ, hiệu quả.  3. Việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định; Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan đầu mối phối hợp và các cơ quan có liên quan. | **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**  1. Tuân thủ quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.  2. Bảo đảm hoạt động quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, thống nhất, chặt chẽ, hiệu quả.  3. Việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định; Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan đầu mối phối hợp và các cơ quan có liên quan. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 3 Quy chế.  - Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 3 Quy chế đảm bảo đầy đủ, thống nhất với tên Quy chế. |
|  | **Điều 4. Các hoạt động phối hợp**  1. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  2. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính.  3. Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  4. Tiếp nhận, xem xét, giải quyết và trả lời phản ánh, kiến nghị; thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  5. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.  6. Thống kê, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  7. Giải quyết, kiểm tra hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức. | **Điều 4. Các hoạt động phối hợp**  1. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  2. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính.  3. Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  4. Tiếp nhận, xem xét, giải quyết và trả lời phản ánh, kiến nghị; kiểm tra đột xuất, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  5. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.  6. Thống kê, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  7. Giải quyết, kiểm tra hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 4 Quy chế.  - Bổ sung hoạt động phối hợp về kiểm tra đột xuất việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. |
|  | **Điều 5. Các hình thức phối hợp**  1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.  2. Tổ chức các hoạt động liên ngành; sơ kết, tổng kết.  3. Tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  4. Biên soạn tài liệu; tổ chức tọa đàm, hội nghị, tập huấn.  5. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật. | **Điều 5. Các hình thức phối hợp**  1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.  2. Tổ chức các hoạt động liên ngành; sơ kết, tổng kết.  3. Biên soạn tài liệu; tổ chức tọa đàm, hội nghị, tập huấn.  4. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 5 Quy chế.  - Bỏ hoạt động phối hợp *“Tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”* do trùng với hoạt động phối hợp *“Tổ chức các hoạt động liên ngành”* |
|  | **Điều 6. Phối hợp xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**  1. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã:  a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền chủ trì, phối hợp đề xuất xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành;  b) Triển khai và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về xử lý vi phạm hành chính;  c) Theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, đơn vị, địa phương; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn hoặc gửi kiến nghị đến Sở Tư pháp để tổng hợp;  d) Sơ kết, tổng kết việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.  2. Sở Tư pháp:  a) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp về những vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại ngành, đơn vị, địa phương; đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết hoặc kiến nghị Chính phủ, Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, xử lý theo quy định;  b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố. | **Điều 6. Phối hợp xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**  1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã:  a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền chủ trì, phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định;  b) Triển khai, tổ chức thực hiện và theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn hoặc gửi kiến nghị đến Sở Tư pháp để tổng hợp;  c) Các sở, ban, ngành tiếp nhận và xử lý đề nghị, kiến nghị liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật xử lý vi phạm hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố do mình chủ trì xây dựng theo quy định của pháp luật trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật;  d) Sơ kết, tổng kết việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.  2. Sở Tư pháp:  a) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã về những vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương; đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, xử lý theo quy định;  b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 6 Quy chế.  - Bỏ cụm từ *“Ủy ban nhân dân cấp huyện”* tại khoản 1 Điều 6 Quy chế do đã chấm dứt hoạt động.  - Gộp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 6 Quy chế do có nội dung tương đồng.  - Bổ sung quy định về tiếp nhận và xử lý đề nghị, kiến nghị trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật vào khoản 1 Điều 6 Quy chế cho phù hợp chủ trương Đề án *“Ứng dụng công nghệ số trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật”* phê duyệt tại Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 05/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ.  - Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm phối hợp của *“Ủy ban nhân dân cấp huyện”* sang *“Ủy ban nhân dân cấp xã”* tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quy chế cho phù hợp cho phù hợp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định tại Luật số 72/2025/QH15 |
|  | **Điều 7. Phối hợp phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính**  1. Nội dung phối hợp:  a) Nghiên cứu, biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;  b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính;  c) Tổ chức phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể;  d) Hướng dẫn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  2. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp phổ biến pháp luật; tập huấn chuyên sâu và tập huấn nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, địa bàn do cơ quan, đơn vị quản lý.  3. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật quy định chung về xử lý vi phạm hành chính; điều phối lực lượng Báo cáo viên pháp luật; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng trong việc thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật.  4. Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn thành phố phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng. | **Điều 7. Phối hợp phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính**  1. Nội dung phối hợp:  a) Nghiên cứu, biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;  b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính;  c) Tổ chức phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể;  d) Hướng dẫn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp phổ biến pháp luật; tập huấn chuyên sâu và tập huấn nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn do cơ quan, đơn vị quản lý.  3. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật quy định chung về xử lý vi phạm hành chính; điều phối lực lượng Báo cáo viên pháp luật; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng trong việc thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật.  4. Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn thành phố phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 7 Quy chế.  - Bỏ cụm từ *“Ủy ban nhân dân cấp huyện”* tại khoản 2 Điều 7 Quy chế do đã chấm dứt hoạt động. |
|  | **Điều 8. Phối hợp kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**  1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:  a) Phối hợp cùng Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hàng năm theo quy định;  b) Cử cán bộ, công chức thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập.  2. Sở Tư pháp:  a) Chủ trì, phối hợp cùng các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của thành phố trước ngày 15 tháng 3 hàng năm;  b) Căn cứ Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hàng năm của thành phố, xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định kiểm tra; trong đó, thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành với sự tham gia của đại diện một số Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan;  c) Tham mưu, giúp Đoàn kiểm tra liên ngành tổ chức triển khai Quyết định kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định;  d) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các đơn vị được kiểm tra thực hiện việc báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện hoạt động quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của đơn vị phục vụ công tác kiểm tra.  3. Trách nhiệm của đơn vị được kiểm tra:  a) Phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện nhiệm vụ trong quá trình kiểm tra;  b) Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra liên ngành; báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trung thực, kịp thời; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của báo cáo, thông tin và tài liệu cung cấp; giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra;  c) Chấp hành kết luận kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra trên cơ sở kiến nghị của Đoàn kiểm tra liên ngành trong kết luận kiểm tra;  d) Chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng kết luận kiểm tra. | **Điều 8. Phối hợp kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính định kỳ**  1. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:  a) Phối hợp cùng Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hàng năm theo quy định;  b) Cử cán bộ, công chức thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập.  c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của địa phương gửi đến Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp và phối hợp tổ chức thực hiện.  2. Sở Tư pháp:  a) Chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của thành phố trước ngày 15 tháng 3 hàng năm;  b) Căn cứ Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hàng năm của thành phố, xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định kiểm tra định kỳ; trong đó, thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành với sự tham gia của đại diện một số cơ quan, địa phương có liên quan;  c) Tham mưu, giúp Đoàn kiểm tra liên ngành tổ chức triển khai Quyết định kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định;  d) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các đơn vị được kiểm tra thực hiện việc báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện hoạt động quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của đơn vị phục vụ công tác kiểm tra.  3. Cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố cử cán bộ, công chức thuộc cơ quan tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập theo đề nghị của Sở Tư pháp.  4. Trách nhiệm của đơn vị được kiểm tra:  a) Phối hợp với Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện nhiệm vụ trong quá trình kiểm tra;  b) Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra liên ngành; báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trung thực, kịp thời; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của báo cáo, thông tin và tài liệu cung cấp; giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra;  c) Chấp hành kết luận kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra trên cơ sở kiến nghị của Đoàn kiểm tra liên ngành trong kết luận kiểm tra;  d) Chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng kết luận kiểm tra. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 8 Quy chế.  - Khoản 1 Điều 8 Quy chế: *(i)* Bỏ trách nhiệm phối hợp kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố do không thuộc thẩm quyền kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26/4/2025 của Chính phủ; *(ii)* Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm phối hợp của *“Ủy ban nhân dân cấp huyện”* sang *“Ủy ban nhân dân cấp xã”* tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quy chế cho phù hợp cho phù hợp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định tại Luật số 72/2025/QH15.  - Bổ sung quy định *“Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính địa phương gửi đến Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp và phối hợp tổ chức thực hiện”* vào khoản 1 Điều 8 Quy chế cho thống nhất quản lý của ngành tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 1 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ) |
|  | **Điều 9. Tiếp nhận xem xét, giải quyết và trả lời phản ánh, kiến nghị; phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**  1. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, xem xét, giải quyết và trả lời phản ánh, kiến nghị về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.  2. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:  a) Các Sở, ban, ngành theo lĩnh vực quản lý; Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi địa bàn quản lý của mình tổ chức thanh tra theo kiến nghị của Sở Tư pháp hoặc khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý;  b) Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp thực hiện công tác thanh tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo đề nghị của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện. | **Điều 9. Tiếp nhận xem xét, giải quyết và trả lời phản ánh, kiến nghị; phối hợp kiểm tra đột xuất, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**  1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, xem xét, giải quyết và trả lời phản ánh, kiến nghị về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.  2. Phối hợp kiểm tra đột xuất việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính  a) Căn cứ kiểm tra:  - Theo chỉ đạo của Thủ tướng;  - Khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của cá nhân, tổ chức hoặc có phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chưa chính xác, có dấu hiệu xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;  - Khi phát hiện vướng mắc hoặc dấu hiệu vi phạm trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ, tài liệu do cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính gửi đến hoặc đang được lưu trữ, bảo quản theo quy định;  - Qua theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính phát hiện có dấu hiệu vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.  b) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp cùng các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và tổ chức triển khai Quyết định kiểm tra đột xuất việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  3. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:  a) Thanh tra thành phố, *cơ quan thanh tra trong Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển I, Công an nhân dân thành phố, Ngân hàng Nhà nước khu vực 6[[3]](#footnote-3)* tổ chức thanh tra theo kiến nghị của Sở Tư pháp hoặc khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức hoặc theo kế hoạch;  b) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp thực hiện công tác thanh tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo đề nghị Thanh tra thành phố. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 9 Quy chế.  - Bỏ cụm từ *“Ủy ban nhân dân cấp huyện”* tại khoản 1 Điều 9 Quy chế do đã chấm dứt hoạt động.  - Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm phối hợp của *“Ủy ban nhân dân cấp huyện”* sang *“Ủy ban nhân dân cấp xã”* tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quy chế cho phù hợp cho phù hợp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định tại Luật số 72/2025/QH15.  - Sửa đổi, bổ sung nội dung về phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại khoản 2 Điều 9 Quy chế cho phù hợp Luật Thanh tra năm 2025 (cơ quan thanh tra trên địa bàn thành phố theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Luật Thanh tra năm 2025 gồm Thanh tra thành phố; các cơ quan thanh tra khác trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của Chính phủ).  - Bổ sung nội dung về phối hợp kiểm tra đột xuất việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP |
|  | **Điều 10. Phối hợp xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính**  1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính do đơn vị mình thực hiện trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.  2. Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc quản lý, cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp. | **Điều 10. Phối hợp xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính**  1. Căn cứ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của địa phương và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.  2. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cơ quan quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành các quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính do mình thực hiện đến hệ thống Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của địa phương.  3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của việc cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính vào Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của địa phương, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; thực hiện quản lý, khai thác, sử dụng thông tin từ các cơ sở dữ liệu theo quy định. | - Sửa đổi, bổ sung đảm bảo phù hợp với khoản 4 Điều 39 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tư pháp  - Nội dung này tiếp tục hoàn thiện do đang chờ hướng dẫn cụ thể của Bộ Tư pháp |
|  | **Điều 11. Phối hợp thống kê, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**  1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực, địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý và phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc thống kê về xử lý vi phạm hành chính của thành phố theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.  2. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo định kỳ hàng năm. Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm phối hợp báo cáo như sau:  a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện *(qua Phòng Tư pháp)* vào ngày 15 tháng 12 của kỳ báo cáo;  b) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Tư pháp chậm nhất vào ngày 17 tháng 12 của kỳ báo cáo;  c) Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, dự thảo Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố; gửi dự thảo báo cáo đến Ủy ban nhân dân thành phố chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 của kỳ báo cáo để ban hành báo cáo gửi Bộ Tư pháp theo quy định. | **Điều 11. Phối hợp thống kê, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**  1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý và phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc thống kê về xử lý vi phạm hành chính của thành phố theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.  2. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo định kỳ hàng năm. Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm phối hợp báo cáo như sau:  a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Tư pháp chậm nhất vào ngày 17 tháng 12 của kỳ báo cáo;  b) Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, dự thảo Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố; gửi dự thảo báo cáo đến Ủy ban nhân dân thành phố chậm nhất vào ngày 19 tháng 12 của kỳ báo cáo để ban hành báo cáo gửi Bộ Tư pháp theo quy định. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 11 Quy chế.  - Bỏ cụm từ *“Ủy ban nhân dân cấp huyện”* tại khoản 1 Điều 11 Quy chế do đã chấm dứt hoạt động.  - Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm phối hợp báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Nghị định số 190/2025/NĐ-CP). |
| **Điều 2. Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng**  Hồ sơ vụ việc xử phạt vi phạm hành chính thuộc một trong các trường hợp sau đây được xác định là có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức:  1. Vi phạm hành chính có tổ chức hoặc có đối tượng bị đề nghị áp dụng  từ hai tình tiết tăng nặng trở lên;  2. Vụ việc phải tổ chức định giá hoặc giám định tang vật, phương tiện vi phạm hành chính làm căn cứ để ra quyết định xử phạt, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;  3. Vi phạm hành chính bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 21 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung bằng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020 *(sau đây gọi chung là Luật Xử lý vi phạm hành chính)*;  4. Vụ việc thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến để xử phạt vi phạm hành chính;  5. Vụ việc liên quan đến hai ngành, lĩnh vực trở lên (*ngành, lĩnh vực được xác định theo tên gọi của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính, nếu không xác định được theo tên gọi thì mỗi Nghị định xử phạt vi phạm hành chính được xác định là một ngành, lĩnh vực*) hoặc vụ việc liên quan đến địa bàn từ hai đơn vị cấp xã trở lên.  **Điều 3. Xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng**  1. Thủ trưởng cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính hoặc thủ trưởng cơ quan của người lập hồ sơ vụ việc xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp hồ sơ không lập biên bản vi phạm hành chính, có trách nhiệm xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng ngay sau khi lập biên bản vi phạm hành chính hoặc ngay sau khi lập xong hồ sơ vụ việc xử phạt vi phạm hành chính.  2. Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng phải được cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này chuyển cho Sở Tư pháp hoặc Phòng Tư pháp có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Điều 4 của Quyết định này hoặc cử cán bộ, công chức kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với những trường hợp còn lại.  **Điều 4. Hồ sơ, trình tự kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính tại Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp**  1. Trách nhiệm kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc các trường hợp quy định tại Điều 2 Quyết định này:  a) Sở Tư pháp kiểm tra, đánh giá hồ sơ thuộc thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.  b) Phòng Tư pháp kiểm tra, đánh giá hồ sơ thuộc thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.  2. Hồ sơ đề nghị kiểm tra, đánh giá bao gồm:  a) Công văn đề nghị Cơ quan Tư pháp kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong đó nêu rõ hướng giải quyết vụ việc;  b) Dự thảo quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;  c) Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính đã được đánh bút lục và bảng kê các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ.  3. Trình tự kiểm tra, đánh giá:  a) Trong thời hạn 02 ngày, kể từ khi lập biên bản vi phạm hành chính, cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính có trách nhiệm gửi trực tiếp hồ sơ đề nghị kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Sở Tư pháp hoặc đến Phòng Tư pháp theo quy định.  b) Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm nhận hồ sơ; phân công cán bộ, công chức chuyên môn kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ và ban hành văn bản về kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc. Kết quả kiểm tra, đánh giá cùng hồ sơ được gửi lại cho cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính để chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt.  Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá cho thấy hồ sơ cần xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc xác minh, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. | **Điều 12. Phối hợp giải quyết, kiểm tra hồ sơ vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố**  1. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện:  a) Đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ khi phát hiện vi phạm hành chính kịp thời lập Biên bản vi phạm hành chính theo quy định. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bằng văn bản về hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, trừ trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa và tiếp tục thụ lý, chỉ đạo giải quyết hồ sơ;  b) Thiết lập hồ sơ đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố *(được giao quyền)* ban hành quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính phải gửi hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đến Sở Tư pháp để kiểm tra, đánh giá;  c) Trên cơ sở ý kiến của Sở Tư pháp, kiểm tra, rà soát, hoàn thiện hồ sơ, tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố *(được giao quyền)* ban hành quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo thời hạn, quy định pháp luật.  2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố gửi Sở Tư pháp quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố *(được giao quyền)* ban hành để tổng hợp, theo dõi.  3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:  a) Kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện thiết lập;  b) Tổng hợp, theo dõi thực hiện các quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. | **Điều 12. Phối hợp giải quyết, kiểm tra hồ sơ vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố**  1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã:  a) Thiết lập hồ sơ đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố *(được giao quyền)* ban hành quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính phải gửi hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đến Sở Tư pháp để kiểm tra, đánh giá;  b) Trên cơ sở ý kiến của Sở Tư pháp, kiểm tra, rà soát, hoàn thiện hồ sơ, tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố *(được giao quyền)* ban hành quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo thời hạn, quy định pháp luật.  c) Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt do mình tham mưu ban hành và thông báo kết quả thi hành xong quyết định gửi Sở Tư pháp.  2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố:  a) Lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về lưu trữ;  b) Gửi Sở Tư pháp quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố *(được giao quyền)* ban hành để tổng hợp, theo dõi.  3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:  a) Kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã thiết lập;  b) Tổng hợp, theo dõi thực hiện các quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.  4. Hồ sơ đề nghị kiểm tra, đánh giá bao gồm:  a) Công văn đề nghị kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong đó nêu rõ quan điểm giải quyết vụ việc;  b) Dự thảo quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính;  c) Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính (bản sao) đã được đánh bút lục và danh mục các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ.  5. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố *(được giao quyền)* bao gồm:  a) Tờ trình trong đó nêu rõ căn cứ xác định thẩm quyền xử phạt; đối tương, hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đề xuất áp dụng; nội dung giải trình, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Sở Tư pháp (nếu có);  b) Dự thảo quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính;  c) Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính (bản gốc) đã được đánh bút lục và danh mục các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 12 Quy chế.  - Sửa đổi cụm từ *“cấp huyện”* thành *“cấp xã”* cho phù hợp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định tại Luật số 72/2025/QH15.  - Bỏ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Quy chế (liên quan đến báo cáo bằng văn bản về hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản) do quy định này đã được sửa đổi, bổ sung bởi điểm c khoản 9 Điều 1 Luật số 88/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.  - Bổ sung quy định: (i) Việc thông báo kết quả thi hành quyết định xử phạt vào khoản 1 Điều 12 Quy chế theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính; (ii) Việc lưu trữ hồ sơ vào khoản 2 Điều 12 Quy chế theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về lưu trữ.  - Bổ sung quy định về hồ sơ đề nghị kiểm tra, đánh giá; trình ban hành quyết định xử phạt theo hướng kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND. |
| **Điều 13. Phối hợp kiểm tra các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính khác**  1. Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính khác bao gồm: Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình giải quyết cần xin ý kiến Sở Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo phối hợp cùng Sở Tư pháp để giải quyết.  2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập hợp đầy đủ văn bản, tài liệu có liên quan, nêu rõ khó khăn, vướng mắc, phương hướng giải quyết gửi Sở Tư pháp để tham gia ý kiến đối với hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Sở Tư pháp tham gia ý kiến đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này sau khi nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này | **Điều 13. Phối hợp kiểm tra các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính khác**  1. Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính khác là hồ sơ thuộc thẩm quyền của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bao gồm:  a) Hồ sơ Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo phối hợp với Sở Tư pháp để giải quyết;  b) Hồ sơ bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn; đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; biện pháp khắc phục hậu quả và thuộc trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14;  c) Hồ sơ liên quan đến hai ngành, lĩnh vực trở lên (*ngành, lĩnh vực được xác định theo tên gọi của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính, nếu không xác định được theo tên gọi thì mỗi Nghị định xử phạt vi phạm hành chính được xác định là một ngành, lĩnh vực*) hoặc địa bàn từ hai đơn vị cấp xã trở lên.  2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã tập hợp đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Quy chế này, nêu rõ khó khăn, vướng mắc, phương hướng giải quyết gửi Sở Tư pháp để tham gia ý kiến đối với hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Sở Tư pháp tham gia ý kiến đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này sau khi nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 2 Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND, Điều 13 Quy chế.  - Sửa đổi cụm từ *“cấp huyện”* thành *“cấp xã”* cho phù hợp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định tại Luật số 72/2025/QH15.  - Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế về việc xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo hướng gồm: (i) Hồ sơ do Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo; (ii) Hồ sơ bị áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả (ngoài hình thức phạt tiền, cảnh cáo) và thuộc trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14; (iii) Hồ sơ liên quan đến 02 ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn 02 xã trở lên. |
| **Điều 5. Kinh phí thực hiện**  1. Kinh phí thực hiện việc kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do ngân sách cùng cấp bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.  Các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.  2. Cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 2 Quyết định này được chi hỗ trợ theo mức quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số [19/2017/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/thong-tu-19-2017-tt-btc-quyet-toan-kinh-phi-ngan-sach-thi-hanh-phap-luat-xu-ly-vi-pham-hanh-chinh-342871.aspx) ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính. | **Điều 14. Kinh phí thực hiện**  Kinh phí thực hiện công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do ngân sách cấp theo quy định của pháp luật; hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp. | **Điều 14. Kinh phí thực hiện**  Kinh phí thực hiện quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do ngân sách cấp theo quy định của pháp luật; hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp. | - Kế thừa một phần quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND, Điều 14 Quy chế.  - Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tên Quy chế. |
| **Điều 6. Điều khoản thi hành**  1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 và thay thế Quyết định số [19/2019/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=19/2019/Q%C4%90-UBND&match=True&area=2&lan=1&bday=04/6/2019&eday=04/6/2019) ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương.  2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. | **Điều 15. Tổ chức thực hiện**  1. Sở Tư pháp chủ trì tổ chức, hướng dẫn thực hiện Quy chế và theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.  2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.  3. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố, Viện kiểm sát nhân dân thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố.  4. Đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố, Hội đồng nhân dân, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức thành viên của Mặt trận và mọi công dân giám sát hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; khi phát hiện hành vi trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính gửi yêu cầu, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật.  Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. | **Điều 15. Tổ chức thực hiện**  1. Sở Tư pháp chủ trì tổ chức, hướng dẫn thực hiện Quy chế và theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.  2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.  3. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố, Viện kiểm sát nhân dân thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý Nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố.  4. Đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức thành viên của Mặt trận và mọi công dân giám sát hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; khi phát hiện hành vi trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính gửi yêu cầu, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật.  Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. | - Kế thừa một phần quy định tại Điều 15 Quy chế.  - Bỏ cụm từ *“Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện”* tại khoản 2 Điều 15 Quy chế do đã chấm dứt hoạt động.  - Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 15 Quy chế cho phù hợp quy định tại Điều 19 Luật Xử lý vi phạm hành chính và tổ chức các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố. |

1. () Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng [↑](#footnote-ref-1)
2. () Các Quyết định số: 02/2022/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (cũ) quy định công tác kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương; 07/2023/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) ban hành quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng [↑](#footnote-ref-2)
3. Đề nghị Công an thành phố, Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng, Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển I, Ngân hàng Nhà nước khu vực 6 cho ý kiến về cơ quan thanh tra theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Thanh tra năm 2025 [↑](#footnote-ref-3)